

Số: /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Khắc phục sạt lở bờ Đông sông Ba Rài trước phần đất của ông Trần Văn Lượm và ông Nguyễn Văn Cư, ấp Hội Trí, xã Hiệp Đức

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt chủ trương và hỗ trợ nguồn kinh phí xử lý khắc phục khẩn cấp sạt lở, sụp lún bờ sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo Thông báo kết quả thẩm định số 8951/SNN&MT-CCTL ngày 17/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khắc phục sạt lở bờ Đông sông Ba Rài trước phần đất của ông Trần Văn Lượm và ông Nguyễn Văn Cư, ấp Hội Trí, xã Hiệp Đức;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2878/TTr-SNN&MT, ngày 09/3/2026, Báo cáo số /BC-VPUBND ngày /3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Khắc phục sạt lở bờ Đông sông Ba Rài trước phần đất của ông Trần Văn Lượm và ông Nguyễn Văn Cư, ấp Hội Trí, xã Hiệp Đức, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khắc phục sạt lở bờ Đông sông Ba Rài trước phần đất của ông Trần Văn Lượm và ông Nguyễn Văn Cư, ấp Hội Trí, xã Hiệp Đức

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Chủ đầu tư thực hiện theo quy định.

3. Địa điểm xây dựng: xã Hiệp Đức, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 3.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Nguyên Phát TG.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

8. Mục tiêu dự án: Khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ Đông sông Ba Rài trước phần đất của ông Trần Văn Lượm và ông Nguyễn Văn Cư, ấp Hội Trí, xã Hiệp Đức nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản, giao thông đi lại của những hộ dân sống trong khu vực.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Chiều dài gia cố dài 80,0 mét. gồm 2 đoạn: Đoạn 1 chiều dài sạt lở 30 mét và đoạn 2 chiều dài nguy cơ sạt lở 50 mét.

* Quy mô thiết kế đoạn 1:

- Đóng hàng cừ số 1 và 2 gia cố mép sông: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{g\acute{o}c} \geq 16\text{cm}$, mật độ 0,3m/cây, cao độ đầu cừ: cao độ đào đất, chiều dài gia cố 30m;

- Đóng hàng cừ số 3, 3A và 4 gia cố mép sông: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{g\acute{o}c} \geq 16\text{cm}$, mật độ 0,3m/cây, cao độ đầu cừ: -1,50, chiều dài gia cố 30m;

- Đóng hàng cừ số 5 gia cố mép sông: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{g\acute{o}c} \geq 16\text{cm}$, mật độ 0,3m/cây, cao độ đầu cừ: đáy kênh +0.30m, chiều dài gia cố 35,8m;

- Giăng dọc hàng cừ số 1 và 2: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{g\acute{o}c} \geq 16\text{cm}$;

- Đóng cừ tràm gia cố dưới đáy rọ đá: $D_{g\acute{o}c} = 8-10\text{cm}$, $L = 4,7\text{m/cây}$, mật độ 25 cây/m², cao độ đầu cừ: -1,50, diện tích gia cố: $30 \times (3 - 0,16 \times 2) = 80,4\text{m}^2$;

- Đóng cừ tràm gia cố dưới đáy rọ đá đáy kênh: $D_{g\acute{o}c} = 8-10\text{cm}$, $L=3\text{m/cây}$, mật độ 9 cây/m², cao độ đầu cừ: cao độ đáy kênh, diện tích gia cố: $30 \times 2 = 60\text{m}^2$;

- Thả rọ đá lớp 1 KT 3x2x0,5 trên hàng cừ số 3, 3A và 4, chiều dài thả 30m;

- Thả rọ đá lớp 2 KT 2x1x0,5 và 1x1x0.5 trên lớp 1, chiều dài thả 30m;

- Thả rọ đá lớp 3 KT 2x1x0,5 trên lớp 2, chiều dài thả 30m;

- Thả rọ đá lớp 4 KT 2x1x0,5 và 1x1x0,5 trên lớp 3, chiều dài thả 30m;
- Thả rọ đá lớp 5 KT 2x1x0,5 trên lớp 4, chiều dài thả 30m;
- Thả rọ đá đáy kênh KT 2x2x0,3, chiều dài thả 30m;
- Thả rọ đá mái KT 2x2x0,3, chiều dài thả 30m;
- Lót các lớp vải địa kỹ thuật $A_k \geq 20\text{kN/m}$ mỗi lớp cát và đất đắp, phía ngoài rọ đắp bao cát; đắp cát đến cao độ +1,00, bên trên đắp đất dính;
- Mặt đường láng nhựa hoàn trả dài 20m, chiều rộng mặt đường là 3,5m;
- Cao độ mặt đường: theo cao độ hiện trạng TB +2,72;
- Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau:
 - + Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m²;
 - + Đắp bù đá 0x4, dày 30cm, đầm chặt $K \geq 0,95$;
 - + Vải địa kỹ thuật $A_k \geq 20\text{kN/m}$, rộng TB 5,1m;
 - + Đắp bù cát, đầm chặt $K \geq 0,95$;
 - + Vải địa kỹ thuật $A_k \geq 20\text{kN/m}$, rộng TB 4m;
 - + Nền đất tự nhiên;
- Lắp đặt 15 cọc tiêu về phía sông, khoảng cách 2m/cọc;
- * Quy mô thiết kế đoạn 2:
 - Đóng hàng cừ số 1 và 2 gia cố mép sông: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{\text{góc}} \geq 16\text{cm}$, mật độ 0,3m/ cây, cao độ đầu cừ: cao độ đào đất, chiều dài gia cố 50m;
 - Đóng hàng cừ số 3, 3A và 4 gia cố mép sông: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{\text{góc}} \geq 16\text{cm}$, mật độ 0,3m/ cây, cao độ đầu cừ: -1,5 và -2,0, chiều dài gia cố 50m;
 - Đóng hàng cừ số 5 gia cố mép sông: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{\text{góc}} \geq 16\text{cm}$, mật độ 0,3m/ cây, cao độ đầu cừ: đáy kênh +0,30m, chiều dài gia cố 53,4m;
 - Giăng dọc hàng cừ số 1 và 2: cừ bạch đàn dài 8m/cây, $D_{\text{góc}} \geq 16\text{cm}$;
 - Đóng cừ tràm gia cố dưới đáy rọ đá: $D_{\text{góc}} = 8-10\text{cm}$, $L = 4,7\text{m/cây}$, mật độ 25 cây/m², cao độ đầu cừ: -1,50, diện tích gia cố: $50 \times (3 - 0,16 \times 2) = 134\text{m}^2$;
 - Đóng cừ tràm gia cố dưới đáy rọ đá đáy kênh: $D_{\text{góc}} = 8-10\text{cm}$, $L = 3\text{m/cây}$, mật độ 9 cây/m², cao độ đầu cừ: cao độ đáy kênh, diện tích gia cố: $50 \times 2 = 100\text{m}^2$;
 - Thả rọ đá lớp 1a KT 3x2x0,5 trên hàng cừ số 3, 3A và 4, chiều dài thả 10m;
 - Thả rọ đá lớp 1 KT 3x2x0,5 và KT 2x1x0,5 trên hàng cừ số 3, 3A và 4, chiều dài thả 50m;
 - Thả rọ đá lớp 2 KT 2x1x0,5 và 1x1x0,5 trên lớp 1, chiều dài thả 50m;

- Thả rọ đá lớp 3 KT 2x1x0,5 trên lớp 2, chiều dài thả 50m;
- Thả rọ đá lớp 4 KT 2x1x0,5 và 1x1x0,5 trên lớp 3, chiều dài thả 50m;
- Thả rọ đá lớp 5 KT 2x1x0,5 trên lớp 4, chiều dài thả 50m;
- Thả rọ đá đáy kênh KT 2x2x0,3, chiều dài thả 50m;
- Thả rọ đá mái KT 2x2x0,3, chiều dài thả 50m;
- Lót các lớp vải địa kỹ thuật $A_k \geq 20\text{kN/m}$ mỗi lớp cát và đất đắp, phía ngoài rọ đắp bao cát; đắp cát đến cao độ +1,00, bên trên đắp đất dính;
- Lắp đặt 26 cọc tiêu về phía sông, khoảng cách 2m/cọc;

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai	QCVN 04-05:2022/BNNPTNT
2	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737-2023
3	Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
4	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859: 2023
5	Công trình thủy lợi - Yêu cầu thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án thiết kế	TCVN 8478:2010
6	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp xác định cường độ chịu kéo của mỗi nối	TCVN 9138:2012
7	Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi	TCVN 9152:2012
8	Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê	TCVN 9165:2012
9	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
10	Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông.	TCVN 9902:2016
11	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
12	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304-2025
13	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.	TCVN 4447:2012
14	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lọc giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10335:2014
Và một số tiêu chuẩn, quy trình và quy phạm hiện hành khác		

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **2.249.367.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 1.853.940.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 56.013.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 186.027.000 đồng |
| - Chi phí khác: | 46.275.000 đồng |
| - Chi phí dự phòng: | 107.112.000 đồng. |

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025.
- Kế hoạch bố trí vốn: Theo tiến độ thực hiện dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định.

15. Các nội dung khác: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 3 (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu trình thẩm định. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về nội dung trình phê duyệt theo đúng qui định.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 3 có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư, tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng theo quy định. Tổ chức đầu tư, thanh quyết toán kết thúc dự án, thực hiện đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 3; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiệp Đức; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, PCT Nguyễn Thành Diệu;
- VPUBND: PCVP (Nam);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTQH (Lam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**